

| | | | |
|------------|------------|---------|---------|
| Ngày | 11,400 VNĐ | | |
| 30/09/2024 | | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | -5.0% | -26.5% | -14.6% |

| | | |
|-----|-------|-------------------|
| | Q3/24 | |
| ROE | -0.9% | +/- YoY ▼ 6.5% |

| | | | |
|----------|--------|--------------------------|--------------------------|
| | Q3/24 | | |
| DT thuần | 385 | QoQ ▲ 41.0 ▲ 11.9% | YoY ▲ 58.0 ▲ 17.8% |
| | tỷ VNĐ | | |

| | | |
|----------|---------|-------------------------|
| | 9T 2024 | |
| DT thuần | 1,068 | YoY ▲ 170 ▲ 18.8% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|--------|--------|--------------------------|--------------------------|
| | Q3/24 | | |
| LN gộp | 3.53 | QoQ ▼ 1.47 ▼ 29.4% | YoY ▼ 5.99 ▼ 62.9% |
| | tỷ VNĐ | | |

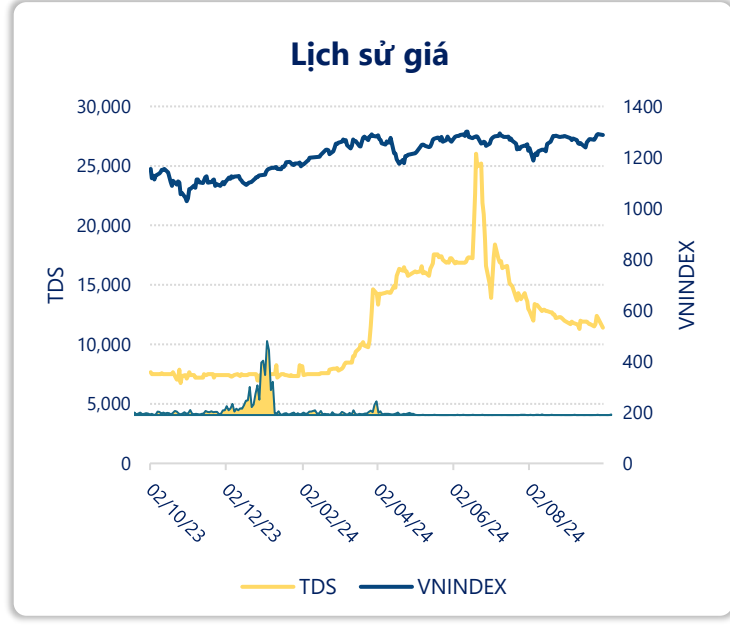
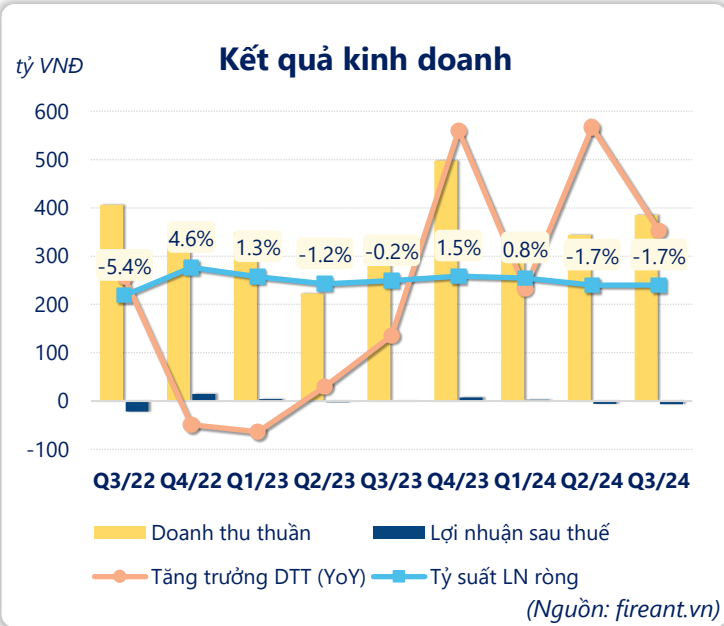
| | | |
|--------|---------|--------------------------|
| | 9T 2024 | |
| LN gộp | 20.5 | YoY ▼ 8.80 ▼ 30.0% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|----------|--------|-------------------------|---------------------------|
| | Q3/24 | | |
| LN thuần | -6.57 | QoQ ▼ 0.05 ▼ 0.7% | YoY ▼ 6.58 ▼ 65762% |
| | tỷ VNĐ | | |

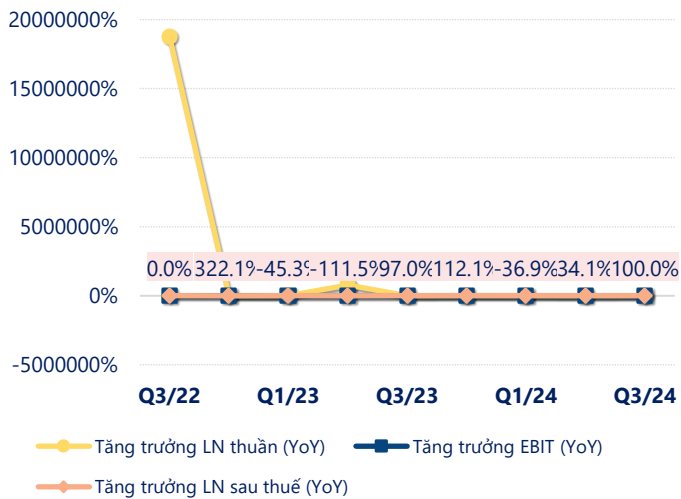
| | | |
|----------|---------|--------------------------|
| | 9T 2024 | |
| LN thuần | -13.5 | YoY ▼ 13.0 ▼ 2432% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|-------------|--------|--------------------------|--------------------------|
| | Q3/24 | | |
| LN sau thuế | -6.57 | QoQ ▼ 0.74 ▼ 12.6% | YoY ▼ 6.08 ▼ 1240% |
| | tỷ VNĐ | | |

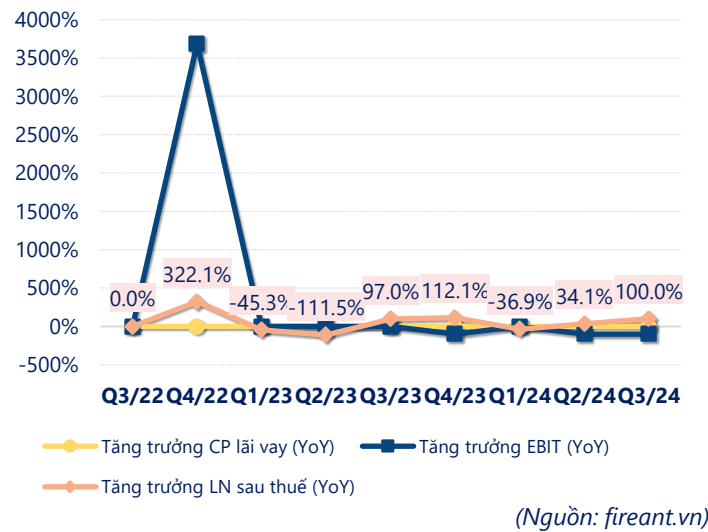
| | | |
|-------------|---------|-------------------------|
| | 9T 2024 | |
| LN sau thuế | -9.63 | YoY ▼ 10.8 ▼ 946% |
| | tỷ VNĐ | |



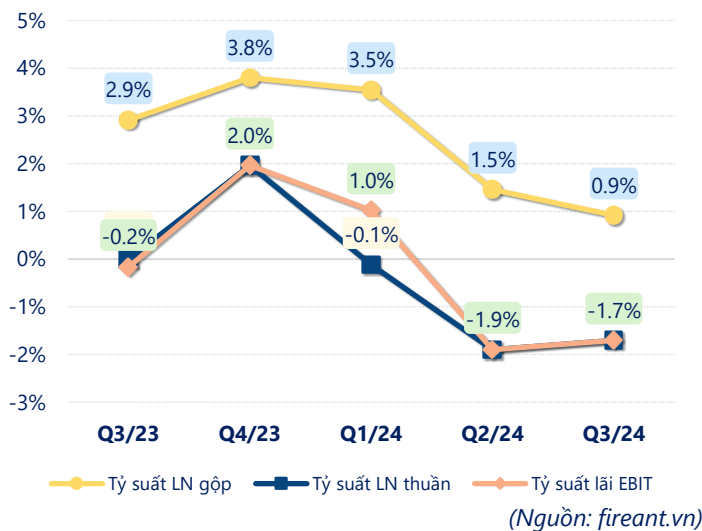
Tăng trưởng lợi nhuận



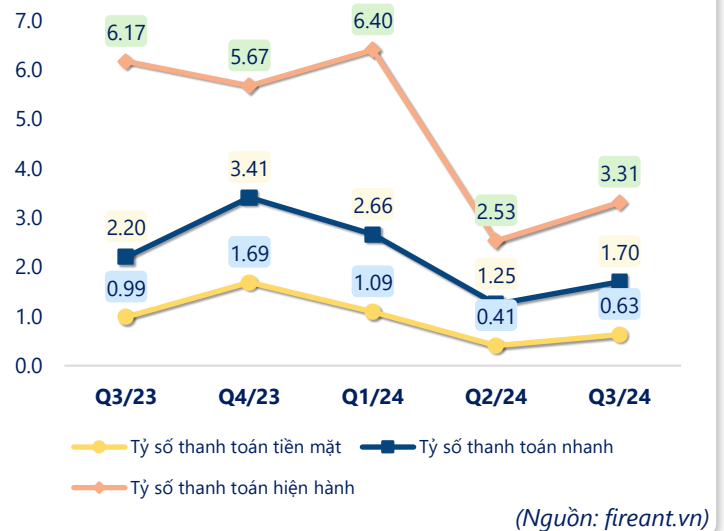
Tăng trưởng chi phí



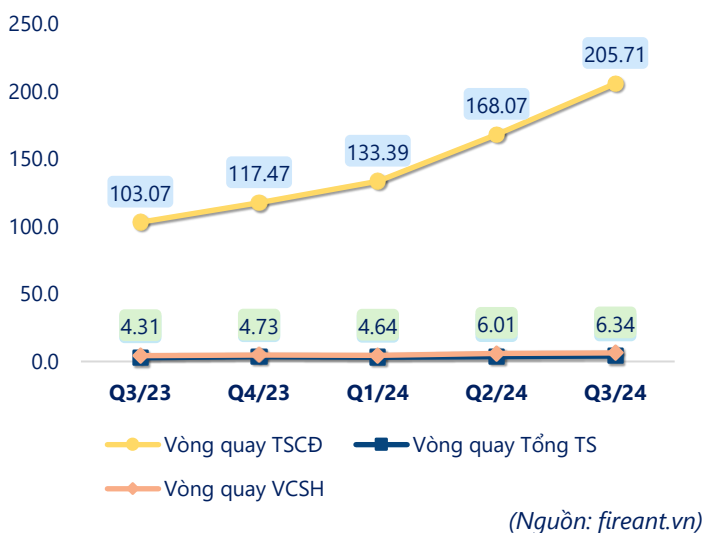
Tỷ suất lợi nhuận



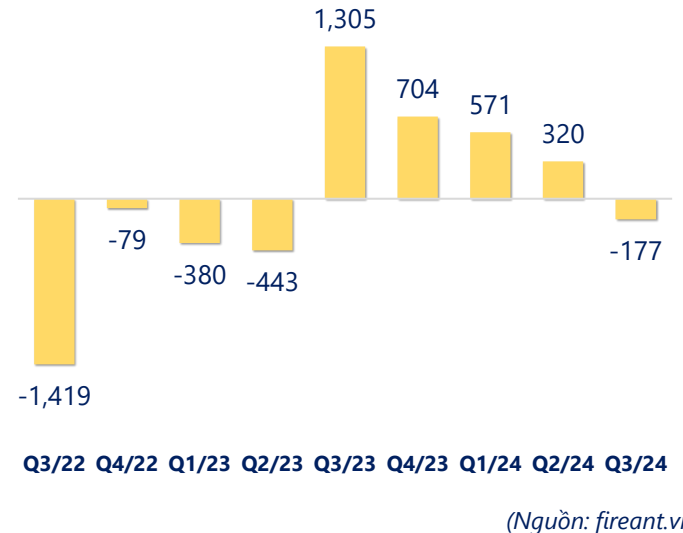
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



EPS



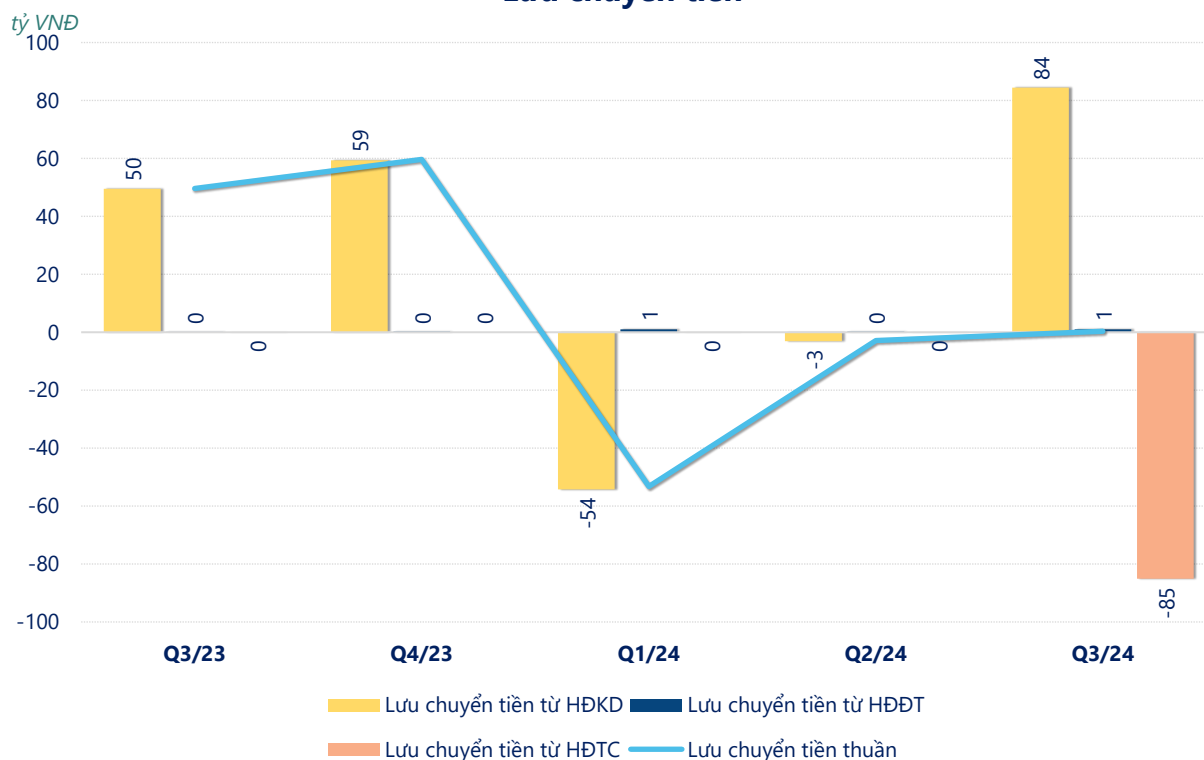
KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)

| | Q3/24 | Q3/23 | Thay đổi YoY | 9T 2024 | 9T 2023 | Thay đổi YoY |
|---------------------------|--------------|--------------|----------------|--------------|--------------|----------------|
| Doanh thu thuần | 385 | 327 | 17.8% | 1,068 | 898 | 18.8% |
| Giá vốn hàng bán | 382 | 317 | 20.4% | 1,047 | 869 | 20.5% |
| Lợi nhuận gộp | 3.53 | 9.52 | -62.9% | 20.5 | 29.3 | -30.0% |
| Doanh thu HĐTC | 0.83 | 0.27 | 209% | 2.61 | 1.55 | 68.6% |
| Chi phí TC | 0.01 | 0.00 | | 0.02 | 1.04 | -98.4% |
| Chi phí lãi vay | 0 | 0.00 | | 0.00 | 0.96 | -100.0% |
| LN trong công ty LKLD | 0 | 0.00 | | 0 | 0 | |
| Chi phí bán hàng | 2.96 | 2.27 | 30.4% | 8.87 | 5.34 | 66.2% |
| Chi phí QLDN | 7.96 | 7.51 | 5.9% | 27.8 | 25.0 | 11.0% |
| LN thuần từ HĐKD | -6.57 | 0.01 | -65762% | -13.5 | -0.53 | -2432% |
| Lợi nhuận khác | 0 | -0.54 | 100% | 3.87 | 1.67 | 132% |
| LN trước thuế | -6.57 | -0.54 | -1116% | -9.63 | 1.14 | -946% |
| Lợi nhuận sau thuế | -6.57 | -0.49 | -1240% | -9.63 | 1.14 | -946% |
| LNST của CĐ cty mẹ | -6.57 | -0.49 | -1240% | -9.63 | 1.14 | -946% |

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)